| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2447/QĐ-UBND | *Lâm Đồng, ngày 06 tháng 10 năm 2015* |

# QUYẾT ĐỊNH

## Về việc phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình số 604/TTr-STNMT ngày 14/9/2015, số 634/TTr-STNMT ngày 24/9/2015,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015 (Có kế hoạch chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định đối với các khu vực khoáng sản đã nêu tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Giám đốc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Lâm Đồng, thủ trưởng các ngành, đơn vị, địa phương có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở: TC, CT, KH&ĐT, XD;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố: Đức Trọng, Di Linh, Đạ Huoai, Lâm Hà, Đơn Dương, Đạ Tẻh, Bảo Lộc;
- Lưu: VT, ĐC, TC, NC.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm S**

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LÂM ĐỒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# KẾ HOẠCH
## Đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015

*(Đính kèm Quyết định số 2147 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh)*

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015, với những nội dung sau:

**I. Mục đích, yêu cầu:**

1. Mục đích:

a) Nhằm đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường đúng theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010;

b) Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, tăng hiệu quả kinh tế, giảm thiểu các tác động đến môi trường. Đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu:

a) Các khu vực khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

**II. Nội dung:**

1. Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015 gồm 15 khu vực (có Phụ lục kèm theo).

2. Phương thức tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

3. Thời gian thực hiện: Trong năm 2015.

Nếu trong năm 2015 chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản hết các khu vực mỏ đã được phê duyệt trong kế hoạch này, thì các mỏ còn lại sẽ được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong các năm tiếp theo.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

**III. Nhiệm vụ:**

1. Thông báo công khai danh mục các khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; thông tin cơ bản về điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản; các thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Xây dựng phương án, xác định tiền đặt trước cho các khu vực mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá.

3. Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

**IV. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Nghiệm thu và xác nhận hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 15 khu vực đưa ra đấu giá trong năm 2015;

b) Phối hợp với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Lâm Đồng triển khai việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

c) Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá.

2. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Lâm Đồng:

a) Quyết định số tiền đặt trước và tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

b) Thực hiện việc tổ chức phiên đấu giá theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về kết quả của phiên đấu giá;

c) Cung cấp biên bản phiên đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

d) Thực hiện các yêu cầu khác có liên quan theo quy định.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi có khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá; các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Công Thương, Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện Kế hoạch này./.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm S**

www.LuatVietnam.vn
LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ĐÍNH KÈM Qđ số: 2147 / ...
ngày 06 tháng 10 năm 2015
CỦA UBND TỈNH LÂM ĐỒNG

# Phụ lục
## DANH SÁCH CÁC KHU VỰC ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2015

| Số thứ tự | Tên khu vực | Tên khoáng sản | Diện tích (ha) | Huyện, thành phố | Vị trí | Tọa độ VN 2000 Múi $3^0$, kinh tuyến trục $107^0 45$ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Điểm góc | X (m) | Y (m) | |
| 1 | Mỏ đá N'thôn Hạ | Đá xây dựng | 1 | Đức Trọng | Xã N'thôn Hạ | 1 | 1.298.880 | 563.286 | Nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 |
| | | | | | | 2 | 1.298.931 | 563.178 | |
| | | | | | | 3 | 1.298.984 | 563.220 | |
| | | | | | | 4 | 1.298.951 | 563.358 | |
| 2 | Mỏ đá Tân Nghĩa | Đá xây dựng | 1,5 | Di Linh | Xã Tân Nghĩa | 1 | 1.288.405 | 537.927 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.288.405 | 537.811 | |
| | | | | | | 3 | 1.288.522 | 537.815 | |
| | | | | | | 4 | 1.288.534 | 537.945 | |
| 3 | Mỏ đá Đạ Oai | Đá xây dựng | 0,87 | Đạ Huoai | Xã Đạ Oai | 1 | 1.266.820 | 473.355 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.266.820 | 473.405 | |
| | | | | | | 3 | 1.266.646 | 473.405 | |
| | | | | | | 4 | 1.266.646 | 473.355 | |
| 4 | Mỏ đá N'thôn Hạ | Đá xây dựng | 0,8 | Đức Trọng | Xã N'thôn Hạ | 1 | 1.303.792 | 561.852 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.303.883 | 561.755 | |
| | | | | | | 3 | 1.303.862 | 561.690 | |
| | | | | | | 4 | 1.303.813 | 561.734 | |
| | | | | | | 5 | 1.303.774 | 561.800 | |
| 5 | Mỏ đá Đam B'ri | Đá xây dựng | 1,3 | Bảo Lộc | Xã Đam B'ri | 1 | 1.284.088 | 503.799 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.284.051 | 503.944 | |
| | | | | | | 3 | 1.283.926 | 503.839 | |
| | | | | | | 4 | 1.284.023 | 503.790 | |
| 6 | Mỏ đá Hòa Nam | Đá chẻ | 1 | Di Linh | Thôn 12, xã Hòa Nam | 1 | 1.266.653 | 514.636 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.266.596 | 514.661 | |
| | | | | | | 3 | 1.266.544 | 514.653 | |
| | | | | | | 4 | 1.266.532 | 514.727 | |
| | | | | | | 5 | 1.266.597 | 514.737 | |
| | | | | | | 6 | 1.266.689 | 514.689 | |

www.LuatVietnam.vn

| Số thứ tự | Tên khu vực | Tên khoáng sản | Diện tích (ha) | Huyện, thành phố | Vị trí | Tọa độ VN 2000 Múi $3^0$, kinh tuyến trục $107^0 45$ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Điểm góc | X (m) | Y (m) | |
| 7 | Mỏ đá Phú Sơn | Đá chẻ | 2 | Lâm Hà | Xã Phú Sơn | 1 | 1.313.624 | 551.476 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.313.660 | 551.618 | |
| | | | | | | 3 | 1.313.555 | 551.659 | |
| | | | | | | 4 | 1.313.494 | 551.479 | |
| 8 | Mỏ đá Đại Lào | Đá chẻ | 4 | Bảo Lộc | Xã Đại Lào | 1 | 1.272.900 | 496.616 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.272.863 | 496.627 | |
| | | | | | | 3 | 1.272.886 | 496.756 | |
| | | | | | | 4 | 1.272.931 | 496.775 | |
| | | | | | | 5 | 1.273.050 | 496.618 | |
| | | | | | | 6 | 1.273.130 | 496.327 | |
| | | | | | | 7 | 1.273.086 | 496.297 | |
| | | | | | | 8 | 1.272.937 | 496.655 | |
| 9 | Mỏ đá Tu Tra | Đá chẻ | 0,95 | Đơn Dương | Xã Tu Tra | 1 | 1.291.272 | 579.877 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.291.308 | 579.943 | |
| | | | | | | 3 | 1.291.197 | 580.004 | |
| | | | | | | 4 | 1.291.162 | 579.937 | |
| 10 | Mỏ đá Hòa Nam | Đá chẻ | 2 | Di Linh | Xã Hòa Nam | 1 | 1.264.637 | 515.252 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.264.725 | 515.376 | |
| | | | | | | 3 | 1.264.626 | 515.453 | |
| | | | | | | 4 | 1.264.528 | 515.349 | |
| 11 | Mỏ cát lòng sông Đạ M'Ri | Cát xây dựng | 31,6 (11 km lòng sông) | Đạ Huoai | Xã Phước Lộc | 1 | 1.266.009 | 485.163 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.266.029 | 485.127 | |
| | | | | | | 3 | 1.269.801 | 486.102 | |
| | | | | | | 4 | 1.269.795 | 486.130 | |
| | | | | | | 5 | 1.269.955 | 486.227 | |
| | | | | | | 6 | 1.269.976 | 486.245 | |
| | | | | | | 7 | 1.272.707 | 487.539 | |
| | | | | | | 8 | 1.272.692 | 487.561 | |

www.LuatVietnam.vn

| Số thứ tự | Tên khu vực | Tên khoáng sản | Diện tích (ha) | Huyện, thành phố | Vị trí | Tọa độ VN 2000 Múi $3^0$, kinh tuyến trục $107^0 45$ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Điểm góc | X (m) | Y (m) | |
| 12 | Mỏ cát bãi bồi suối Cam Ly | Cát xây dựng | 1,1 | Đức Trọng | Xã Bình Thạnh | 1 | 1.301.184 | 557.953 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.301.271 | 558.027 | |
| | | | | | | 3 | 1.301.289 | 558.006 | |
| | | | | | | 4 | 1.301.250 | 557.941 | |
| | | | | | | 5 | 1.301.184 | 557.838 | |
| | | | | | | 6 | 1.301.284 | 557.943 | |
| | | | | | | 7 | 1.301.317 | 557.908 | |
| | | | | | | 8 | 1.301.220 | 557.804 | |
| 13 | Mỏ cát lòng sông Đa Dâng | Cát xây dựng | 14,9 (2,58 km lòng sông) | Di Linh và Lâm Hà | Xã Gia Hiệp và Xã Đan Phượng | 1 | 1.289.895 | 547.578 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.289.816 | 547.566 | |
| | | | | | | 3 | 1.289.908 | 549.426 | |
| | | | | | | 4 | 1.289.958 | 549.472 | |
| 14 | Mỏ đất san lấp số 1 | Đất làm vật liệu san lấp | 2,35 | Đạ Tẻh | Xã Đa Kho | 1 | 1.271.299 | 471.577 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.271.431 | 471.673 | |
| | | | | | | 3 | 1.271.369 | 471.762 | |
| | | | | | | 4 | 1.271.219 | 471.729 | |
| | | | | | | 5 | 1.271.254 | 471.613 | |
| 15 | Mỏ đất san lấp số 2 | Đất làm vật liệu san lấp | 2 | Đạ Tẻh | Xã Đa Kho | 1 | 1.271.787 | 471.536 | Như trên |
| | | | | | | 2 | 1.271.915 | 471.655 | |
| | | | | | | 3 | 1.271.955 | 471.753 | |
| | | | | | | 4 | 1.271.906 | 471.792 | |
| | | | | | | 5 | 1.271.768 | 471.621 | |

www.LuatVietnam.vn